



07/01/22

**DAILY** MORNING

Gia tăng áp lực chuỗi  
cung ứng toàn cầu

|                | 7/1      | % Sáng 7/1 | 6/1      | % Ngày 6/1 | % Tuần | % Tháng |
|----------------|----------|------------|----------|------------|--------|---------|
| VN INDEX       |          |            | 1,528.57 | 0.40%      | 2.88%  | 8.13%   |
| S&P 500        |          |            | 4,696.05 | -0.10%     | -1.73% | 2.27%   |
| S&P500 Futures | 4,704.25 | 0.36%      | 4,687.50 | -0.11%     | -1.14% | 0.55%   |
| Shanghai       |          |            | 3,586.08 | -0.25%     | -0.30% | -0.09%  |
| Euro Stoxx     |          |            | 4,324.81 | -1.53%     | 0.44%  | 1.14%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | PTKT                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Sự gia tăng áp lực chuỗi cung ứng trong thời gian đại dịch khiến cho Chỉ số Áp lực Chuỗi cung ứng Toàn cầu (GSCPI) của Fed có độ lệch chuẩn khoảng 4,5 so với thời điểm bình thường, nghiêm trọng nhất kể từ năm 1997. Nhóm nghiên cứu của Fed New York nhận định sự đứt gãy chuỗi cung ứng, tuy vẫn ở mức cao, nhưng đã đạt đỉnh và sẽ bắt đầu giảm dần trong tương lai.</li> <li>Bộ lao động Mỹ cho biết số người nộp đơn yêu cầu trợ cấp thất nghiệp lần đầu đã tăng thêm 7.000 lên mức 207.000 đơn tuần trước và có thể tăng thêm vào những tuần tới trong bối cảnh gián đoạn do nhiễm COVID-19 tăng cao. Yêu cầu bồi thường giảm xuống còn 200.000 trong tuần trước.</li> </ul> | <p>S&amp;P 500</p> <p>Xu hướng Tăng</p> <p>Kháng cự 4500</p> <p>Hỗ trợ 4000</p> <p>Điểm PTKT TÍCH CỰC</p> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <p>SHComp</p> <p>Xu hướng Tích lũy</p> <p>Kháng cự 3700</p> <p>Hỗ trợ 3300</p> <p>Điểm PTKT TRUNG LẬP</p> |

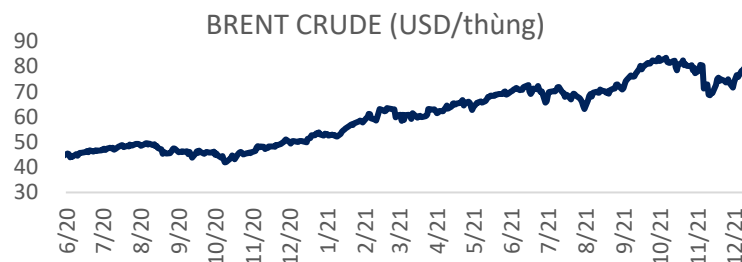


Nguồn: Bloomberg, BSC

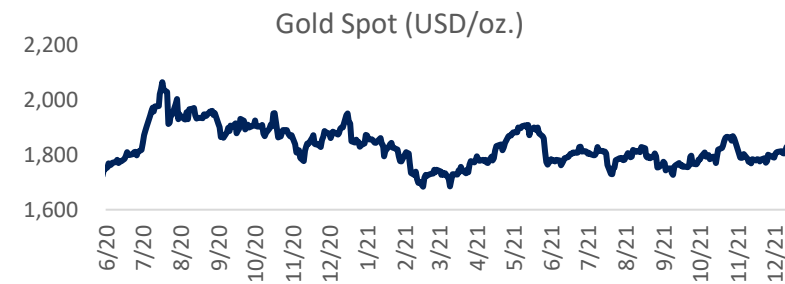
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 7/1      | % Sáng 7/1 | 6/1     | % 6/1  | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 79.59    | 0.16%      | 79.46   | 2.07%  | 5.82%  | 10.79%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 81.99    | 1.47%      | 80.80   | 1.00%  | 3.09%  | 9.17%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 230.52   | 0.04%      | 230.43  | 0.53%  | 3.62%  | 10.49%  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,792.09 | 0.05%      | 1791.16 | -1.06% | -2.03% | 0.51%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 22.21    | 0.05%      | 22.20   | -2.66% | -4.72% | -1.01%  | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,387.25 | -0.54%     | 1394.75 | 0.00%  | 3.64%  | 9.53%   | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USd/bu.  | 746.00   | -1.94%     | 760.75  | 0.00%  | -4.33% | -7.47%  | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt. |          |            | 21.60   | -0.32% | 4.25%  | 9.59%   | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg.  | 234.80   | 0.56%      | 233.50  | -2.30% | 0.51%  | -0.80%  | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |            | 18.19   | -0.82% | -3.14% | -5.06%  | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |            | 231.70  | -0.02% | 1.25%  | -7.26%  | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |            | 9531.00 | -1.72% | -1.54% | 0.37%   | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,469.00 | -0.04%     | 4471.00 | 1.11%  | 3.45%  | 0.68%   | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |            | 2921.50 | -0.02% | 3.95%  | 12.37%  |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 711.00   | 0.28%      | 709.00  | 2.98%  | 5.49%  | 9.55%   | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |            | 168.00  | 11.74% | 20.30% | 20.65%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- Giá dầu nói rộng đã leo dốc từ phiên trước đó, do tình hình bất ổn leo thang ở thành viên sản xuất dầu Kazakhstan thuộc OPEC+ cùng sự gián đoạn nguồn cung ở Libya.



Nguồn: Bloomberg, BSC



Nguồn: Bloomberg, BSC



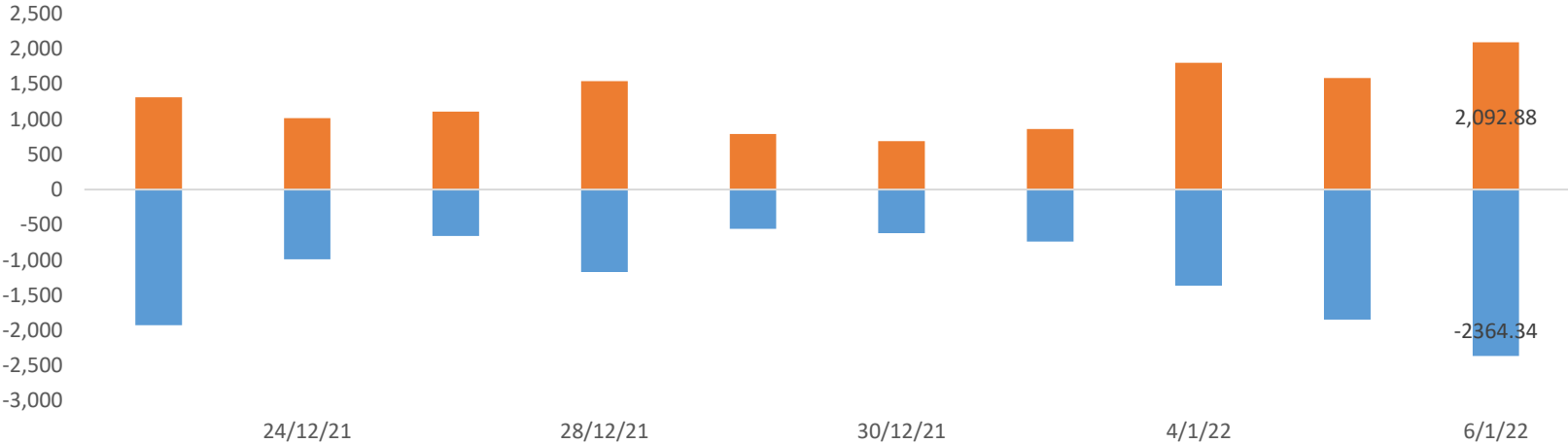
# ETF E1, Diamond giảm quy mô

| ETF        | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |       |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                       |
|------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|-------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M    | 3M    |                                                                                                                                                                                                                                 |
| VNM        | 594.0            | 21.5            | -                  | -0.4%        | 0.0                       | 0.0  | -10.5 | -12.3 | ETF E1 và Diamond giảm; ETFs khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>3.5 Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực. Họ mua ròng tại các thị trường India, Indonesia, Hàn Quốc và bán tại các thị trường còn lại. |
| FTSE       | 400.7            | 47.8            | -                  | -0.7%        | 0.0                       | 0.0  | -6.7  | -16.8 |                                                                                                                                                                                                                                 |
| iShare     | 509.3            | 0.0             | -                  | 0.0%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                 |
| E1VFN30    | 483.7            | 1.1             | (1.4)              | -1.0%        | -1.6                      | 0.2  | 2.4   | -7.3  |                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUEVFN30   | 606.0            | 1.2             | (0.6)              | -1.5%        | -0.7                      | -2.6 | -4.3  | 19.8  |                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUBON FTSE | 485.3            | 0.7             | -                  | -0.4%        | 0.0                       | 0.0  | 1.3   | -48.4 |                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUESSVFL   | 152.6            | 1.0             | 0.0                | -0.1%        | 0.0                       | 3.5  | 8.3   | 24.6  |                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUESSVN30  | 4.8              | 0.8             | 0.0                | -1.1%        | 0.0                       | 0.0  | 0.1   | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUEMAVN30  | 30.8             | 0.8             | 0.0                | -0.2%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | 2.3   |                                                                                                                                                                                                                                 |
| VN100      | 7.0              | 0.9             | (0.0)              | -0.6%        | 0.0                       | 0.6  | 0.7   | 0.7   |                                                                                                                                                                                                                                 |
| KIM        | 184.2            | 19.8            | -                  | -0.1%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | -9.7  |                                                                                                                                                                                                                                 |
| PREMIA     | 31.7             | 13.7            | -                  | 0.2%         | 0.0                       | 0.0  | 0.3   | 1.1   |                                                                                                                                                                                                                                 |

| Khối ngoại (tr. USD) | Ngày    | Lũy kế từ đầu tuần | Lũy kế từ đầu tháng |
|----------------------|---------|--------------------|---------------------|
| Việt Nam             | -12.84  | -4.04              | -4.04               |
| ASEAN4*              | -58.28  | 334.17             | 9.38                |
| Ấn Độ                | 79.42   | 573.08             | 573.08              |
| Đài Loan             | -325.32 | 1387.28            | 1387.28             |
| Hàn Quốc             | 46.18   | 299.23             | 299.23              |
| Nhật Bản             |         | 1,081.86           | -13380.80           |
| Trung Quốc           |         |                    | 10945.83            |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM %  |
|---------------------|--------|
| Việt Nam            | -1.97  |
| Thái Lan            | -13.54 |
| Singapore           | -1.97  |
| Phillippines        | -7.00  |
| Malaysia            | -5.82  |



Nguồn: Fiinpro, BSC

# Vận động trong vùng 1500-1530 điểm

## Tin vĩ mô

- 5 hiệp hội liên quan đến vận tải đường thủy nội địa vừa kiến nghị không thu phí hạ tầng cảng biển do hình thức vận tải này không sử dụng kết cấu hạ tầng công cộng và không gây ùn tắc giao thông.
- NHNN đã ban hành Thông tư 25/2021/TT-NHNN sửa đổi quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng phương tiện điện tử; và giới hạn về hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- NHNN vừa công bố kết quả tại Cuộc điều tra xu hướng tín dụng của các tổ chức tín dụng tháng 12-2021, cho rằng các tổ chức tín dụng dự kiến tiếp tục thắt chặt mạnh hơn với lĩnh vực cho vay có rủi ro cao như đầu tư kinh doanh chứng khoán, đầu tư kinh doanh bất động sản và sử dụng thẻ tín dụng. Dòng vốn đổ vào lĩnh vực bất động sản dự kiến sẽ giảm xuống còn khoảng 23,8% trong 6 tháng đầu năm 2022 từ mức 29,7% của 6 tháng đầu năm 2021 do là lĩnh vực được dự báo mức độ rủi ro tăng cao nhất.

## Thông số kỹ thuật

|          |           |
|----------|-----------|
| Xu hướng | Hồi phục  |
| Chỉ báo  | Trung lập |
| Kháng cự | 1500      |
| Hỗ trợ   | 1440      |



Nguồn: Trading view, BSC

- BMP: Ngày 14/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 17/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/2/2022.
- CMG: Đã thông qua phương án phát hành gần 9 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 9% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 9 cổ phiếu mới). Thời gian thực hiện dự kiến trong tháng 1 và tháng 2/2022.
- NRC: Năm 2021 - 2022 đặt mục tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt hơn 594,88 tỷ đồng, lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt là 102,5 tỷ đồng và xấp xỉ 82 tỷ đồng.
- AGM: Doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Angimex năm 2021 ước đạt 3.903 tỷ đồng và 47,36 tỷ đồng, lần lượt tăng 80% và 35% so với kế hoạch đề ra trước đó. Angimex đặt chỉ tiêu doanh thu năm 2022 đạt 8.004 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với ước thực hiện năm 2021. Lợi nhuận trước thuế cũng tăng 48% lên mức 70 tỷ đồng.
- DVP: Ngày 17/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 18/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 27/1/2022.
- VPH: Đã hoàn tất giao dịch chuyển nhượng 55% vốn điều lệ tại CTCP Đầu tư thương mại dịch vụ An Hưng để giảm sở hữu về 12,76 triệu cổ phiếu, tương đương 44% vốn điều lệ, đồng thời An Hưng không còn là công ty con của Vạn Phát Hưng.
- EVG: Dự kiến chào bán 105 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu có quyền mua 1 cổ phiếu mới). Giá chào bán là 10.000 đồng/cp, thị giá EVG hiện đứng ở mức 24.000 đồng/cp đóng cửa phiên 5/1. Thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu từ ngày 26/1 đến 11/2. Thời gian đặt mua cổ phiếu từ ngày 26/1 đến 21/2.
- BMC: Ngày 4/1, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%. Chi tiết sẽ được thông báo sau.
- PLP: Đã thông qua việc phát hành 20 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- SHS: Đã thông qua phương án phát hành 200 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không có đảm bảo, giá phát hành bằng mệnh giá là 1 tỷ đồng/trái phiếu, kỳ hạn 02 năm, lãi suất cố định 8,1%/năm.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings  
17 Tông Đản, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

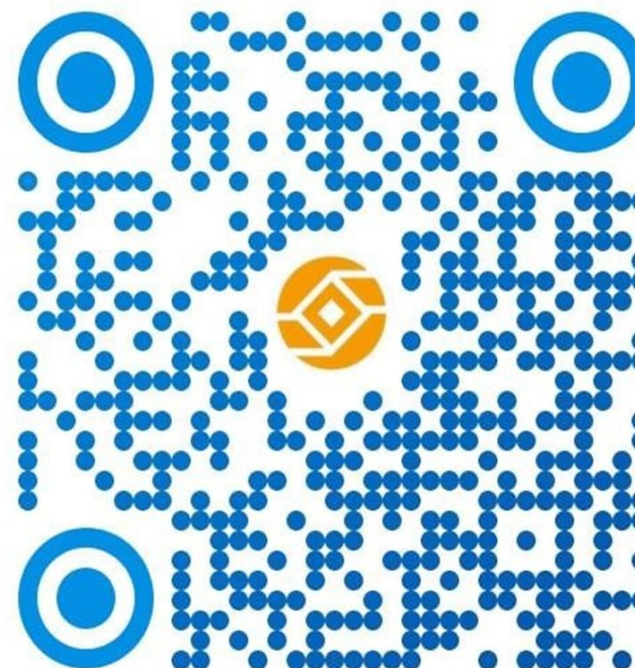
## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*